
TIẾNG VIỆT

VIETNAMESE

VIETAMIEN

CÂU HỎI KIỂM TRA DÂN SỐ NĂM 2006

và lý do tại sao đặt các câu hỏi này



Lời nói đầu

Cuộc Kiểm tra Dân số sắp tới sẽ tiến hành vào ngày 16 tháng 5 năm 2006. Trong hơn 300 năm qua kiểm tra dân số đã vẽ ra một bức tranh về quốc gia chúng ta và về các cộng đồng nơi ta sinh sống. Những thông tin thu thập được qua cuộc kiểm tra ngày 16 tháng 5 sẽ được dùng bởi các tổ chức cộng đồng, các doanh nghiệp và các chính phủ để thiết lập các kế hoạch về giáo dục và đào tạo, về các sản phẩm và dịch vụ mới, về gia cư cho người cao niên, về các dịch vụ y tế và nhiều chương trình khác quan trọng cho tất cả chúng ta.

Cuộc Kiểm tra Dân số 2006 là cuộc kiểm tra đầu tiên mà người trả lời có thể trả lời các câu hỏi qua mạng internet hay trên giấy.

Phần 1

Phần 1 của quyển sách này gồm 53 câu hỏi thuộc bản câu hỏi dài của cuộc Kiểm tra dân số năm 2006. Bản câu hỏi này sẽ được trả lời bởi 20% dân số. Bản câu hỏi ngắn sẽ gồm 8 câu hỏi từ số 1 tới số 6 và câu số 16 và 53 của bản câu hỏi dài.

Phần 2

Phần 2 đưa ra các lý do tại sao Bộ Thống kê Ca-na-đa hỏi những câu hỏi đó và nói rõ tầm quan trọng của các dữ kiện mà các câu hỏi đó yêu cầu cung cấp.

Nếu quý vị cần hỏi gì về cuộc Kiểm tra Dân số 2006 và cuộc Kiểm tra Nông nghiệp được tiến hành cùng một lúc với cuộc Kiểm tra dân số, xin gọi điện thoại hoặc viết thư cho Văn phòng Thống kê Ca-na-đa gần nơi cư ngụ của quý vị. Địa chỉ và số điện thoại của các văn phòng này có ghi ở trang sau.

Phần 1

Câu hỏi kiểm tra dân số năm 2006

Câu hỏi kiểm tra dân số năm 2006

BUỐC A

ĐƯỢC GIỮ KÍN SAU KHI TRẢ LỜI

2. Xin viết rõ số điện thoại:

Khu điện thoại _____ Số điện thoại _____

3. Xin trả lời phần này nếu phần địa chỉ trên đây không có ghi địa chỉ hay nếu quý vị đã ở một địa chỉ khác vào ngày 16 tháng 5 năm 2006.

Số nhà, tên đường hay lô hoặc khu (lot và concession)

Số phòng apartment

Thành phố, thị xã, tỉnh, làng, khu dành cho người Bản xứ

Tỉnh bang hay vùng lãnh thổ

Khu bưu chính

1. GHI NHỮNG AI VÀO BƯỚC B:

- **TẤT CẢ NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG HAY Ở ĐỊA CHỈ NÀY:** kể cả trẻ mới sanh và những người ở chung phòng;
- **SINH VIÊN** về ở với cha mẹ trong năm phải ghi vào ở địa chỉ của bố mẹ, dù ở nơi khác trong khi đi học hay đi làm trong dịp hè;
- **CÁC CON ĐƯỢC ĐẶT DƯỚI SỰ SĂN SÓC CHUNG CỦA BỐ MẸ ĐÃ LY DỊ:** Các con thường ở tại địa chỉ này. Các con ở với mỗi bố mẹ một thời gian như nhau thì phải ghi vào địa chỉ của người bố / mẹ đang cùng ở vào ngày 16 tháng 5 năm 2006;
- **NGƯỜI HÔN PHỐI CHÍNH THỨC HAY KHÔNG CHÍNH THỨC ĐANG Ở NƠI KHÁC** để làm việc hay đi học nhưng thỉnh thoảng trở về địa chỉ này;
- **CÁC NGƯỜI NHẬP CƯ CÓ GIẤY PHÉP** thường hay ở tại địa chỉ này;
- Những **NGƯỜI XIN QUY CHẾ TỶ NẠN** và các người trong gia đình thường ở tại địa chỉ này;
- **CÁC NGƯỜI TỪ NƯỚC KHÁC CÓ GIẤY PHÉP LÀM VIỆC HOẶC ĐI HỌC** và người trong gia đình của họ đang sống tại địa chỉ này;
- **NHỮNG NGƯỜI** thường sống ở đây nhưng hiện đang ở **MỘT NƠI CƯ NGỤ TẬP THỂ** (như viện dưỡng lão, bệnh viện hay nhà giam), **NẾU HỌ Ở NHỮNG NƠI ĐÓ DƯỚI SÁU THÁNG**.
- **NHỮNG NGƯỜI** ở tại đây vào ngày 16 tháng 5 năm 2006, **MÀ KHÔNG CÓ NƠI THƯỜNG TRÚ KHÁC**.

2. ĐỪNG GHI VÀO BƯỚC B:

- Những người **thường ở một địa chỉ khác tại Ca-na-đa** đang ở đây tạm (thí dụ người đến thăm hay người có địa chỉ phụ tại đây);
- Thường trú nhân tại nước khác hiện **đang thăm** Ca-na-đa (thí dụ đến vì công chuyện hay đi chơi);
- Đại diện chính phủ của một nước khác và người trong gia đình của họ.

3. NẾU KHÔNG CÓ NGƯỜI NÀO ĐỂ GHI TRONG BƯỚC B

- Nếu **tất cả** các người ở tại địa chỉ này vào ngày 16 tháng 5 năm 2006 đều có nơi thường trú ở nơi khác tại Ca-na-đa **hay** là khách, đại diện chính phủ của một nước khác thì xin đánh dấu vào hình tròn
- Xin viết tên bằng chữ in hoa và số điện thoại dưới đây. Xin đừng trả lời hết bản câu hỏi. Xin dùng bao thư có trả bưu phí đính kèm để gửi đi.
- Họ: _____ Tên riêng: _____
- Số vùng điện thoại: _____ Số điện thoại: _____
- _____

BUỐC B

1. Có bao nhiêu người, kể cả chính quý vị, thường ở đây vào ngày 16 tháng 5 năm 2006? Ghi cả những người thường ở đây dù những người đó tạm thời vắng mặt.

2. DÙNG CHỮ IN HOA ghi dưới đây tên tất cả những người thường ở đây, kể cả chính quý vị. Bắt đầu danh sách bằng tên một người lớn và sau đó, nếu có, ghi tên người **hôn phối chính thức** hay **không chính thức** của người đó và các con thường hay ở địa chỉ này. Sau đó tiếp tục ghi tên các người khác thường ở đây.

	Họ	Tên riêng
Người 1	_____	_____
Người 2	_____	_____
Người 3	_____	_____
Người 4	_____	_____
Người 5	_____	_____
Người 6	_____	_____
Người 7	_____	_____
Người 8	_____	_____
Người 9	_____	_____
Người 10	_____	_____

BƯỚC C

Quý vị có không ghi tên người nào ở Bước B vì không biết chắc có nên ghi tên hay không?

Chẳng hạn:

- người hiện ở tại địa chỉ này nhưng cũng có nơi cư trú nào khác;
- người tạm vắng mặt.

Không

Có → Xin ghi rõ tên, quan hệ và lý do

Tên

Quan hệ

Lý do

BƯỚC D

1. Trong số những người ghi trong Bước B có ai làm nghề sản xuất ít ra là một nông phẩm để bán không? (như cây nông nghiệp, gia súc, sữa, gia cầm, trứng, sản phẩm trồng trong nhà kính hay vườn ươm cây, cây Giáng sinh, ươm cỏ, mật, ong, đường cây phong, lông thú, v.v.)

Không → Sang Bước E

Có

2. Người làm nông nghiệp này có phải là người quyết định về việc quản lý hàng ngày liên hệ tới nông trại không?

Không

Có

BƯỚC E

Ghi lại những họ và tên ở trong Bước B vào câu hỏi 1, ở đầu trang 4.
Cũng theo thứ tự như trước.

1. **HỌ VÀ TÊN**

Trong chỗ dành riêng, xin chép lại các họ và tên theo như thứ tự đã ghi trong **Bước B**. Sau đó trả lời những câu hỏi sau đây cho **từng** người.

NGƯỜI 1

Họ

Tên riêng

2. **GIỚI TÍNH**

- Nam
 Nữ

3. **NGÀY SINH**

	Ngày	Tháng	Năm
<i>Thí dụ</i>	<u>1 3</u>	<u>0 2</u>	<u>1 9 5 0</u>

Nếu không có số chính xác, xin cho ước lượng gần đúng nhất

Ngày sinh

Ngày

Tháng

Năm

4. **TÌNH TRẠNG HÔN PHỐI**

Xin chỉ đánh dấu X vào một vòng tròn thôi.

- Chưa bao giờ chính thức kết hôn (độc thân)
 Chính thức kết hôn (và không ly thân)
 Ly thân nhưng hãy còn ở tình trạng chính thức kết hôn
 Ly dị
 Góa

5. **Người này có đang sống với một người hôn phối không chính thức không?**

Hôn phối không chính thức tức là hai người khác giới tính hay cùng giới tính sống chung với nhau nhưng không chính thức kết hôn với nhau.

- Có
 Không

6. QUAN HỆ VỚI NGƯỜI 1

Đối với **mỗi** người thường ở đây, xin cho biết quan hệ với Người 1.

Đánh dấu “X” vào một vòng tròn hay chỉ ghi rõ một câu trả lời thôi

Con riêng, con nuôi và con của người phối ngẫu không chính thức coi như là con.

Nếu không có trong số các quan hệ liệt kê thì ghi vào chỗ “Quan hệ khác” để mô tả quan hệ với Người 1.

Các thí dụ “Các Quan hệ khác” với Người 1 là:

- anh / em họ
- cháu trai/ gái (gọi bằng cô, chú, bác, dì, cậu, v.v.)
- vợ hay chồng của người ở trọ
- con trai / gái của người ở chung phòng
- người làm công
- người phối ngẫu cùng phái tính

NGƯỜI 1

NGƯỜI 1

NGƯỜI 2

- Chồng / vợ chính thức của Người 1
- Người phối ngẫu (khác giới tính) của Người 1 (không có hôn lễ chính thức)
- Người phối ngẫu (cùng giới tính) của Người 1 (không có hôn lễ chính thức)
- Con trai / gái của Người 1
- Con rể / dâu của Người 1
- Cháu nội/ ngoại của Người 1
- Bố / mẹ của Người 1
- Bố chồng (hay bố vợ) / mẹ chồng (hay mẹ vợ) của Người 1
- Ông bà (nội/ngoại) của Người 1
- Anh / chị hay em của Người 1
- Anh / chị / em (rể hay dâu) hoặc Anh / chị/ em (chồng hay vợ) của Người 1
- Người ở trọ
- Người ở chung phòng

Quan hệ khác - *Xin ghi rõ*

SINH HOẠT HÀNG NGÀY

7. Người này có **khó khăn** gì về nghe, nhìn, thông đạt, đi, leo cầu thang, cúi xuống, học hay làm các hoạt động tương tự không?
- Có, đôi khi
 - Có, thường thường
 - Không
-
8. Tình trạng thể chất **hay** tinh thần hay sức khỏe có làm **giảm số lượng hoạt động** mà người này có thể làm được không?
- (a) tại nhà?
- Có, đôi khi
 - Có, thường thường
 - Không
- (b) tại nơi làm việc hay học hành?
- Có, đôi khi
 - Có, thường thường
 - Không
 - Không áp dụng
- (c) trong các hoạt động khác chẳng hạn như di chuyển hoặc tiêu khiển?
- Có, đôi khi
 - Có, thường thường
 - Không

CÁC CHI TIẾT VỀ VĂN HÓA XÃ HỘI

9. Người này sinh tại đâu?
Chỉ trả lời một câu thôi, dựa theo biên giới hiện tại

Sinh tại Ca-na-đa

- | | |
|---------------------------------|--------------------------------|
| <input type="radio"/> Nfld.Lab. | <input type="radio"/> Manitoba |
| <input type="radio"/> P.E.I. | <input type="radio"/> Sask. |
| <input type="radio"/> N.S. | <input type="radio"/> Alberta |
| <input type="radio"/> N.B. | <input type="radio"/> B.C. |
| <input type="radio"/> Quebec | <input type="radio"/> Yukon |
| <input type="radio"/> Ontario | <input type="radio"/> N.W.T. |
| | <input type="radio"/> Nunavut |

Sinh ngoài Ca-na-đa

Tên nước

10. Người này là công dân nước nào?

Nếu có hơn một quốc tịch, xin ghi rõ.

“Ca-na-đa, do nhập quốc tịch” tức là khi người nhập cư được cấp quốc tịch Ca-na-đa theo Đạo Luật về Quốc tịch.

- Ca-na-đa, do sanh tại đây
- Ca-na-đa, do nhập quốc tịch

Quốc gia khác - Xin ghi rõ

11. Người này hiện nay, hay trước kia, đã từng là **người nhập cư chính thức** không?

“Người nhập cư chính thức” (thường trú nhân) là người được cơ quan di trú cho quyền thường xuyên cư ngụ tại Ca-na-đa.

- Không → Xin đi tới câu hỏi 13
- Có

12. Người này bắt đầu là người nhập cư chính thức vào năm nào?

Năm _____

Nếu không biết rõ năm thì ghi năm phỏng đoán là đúng nhất

13. Người này có biết tiếng Anh hay tiếng Pháp đủ để nói chuyện được không?

Chỉ đánh dấu X vào một vòng tròn thôi

- Chỉ biết tiếng Anh
- Chỉ biết tiếng Pháp
- Cả tiếng Anh lẫn tiếng Pháp
- Không biết tiếng Anh lẫn tiếng Pháp

14. Ngoài tiếng Anh và tiếng Pháp, người này còn biết tiếng nào khác đủ để nói chuyện được?

- Không biết

HAY

Ghi rõ tiếng nói được

15. (a) Tiếng nào người này **hay nói nhất** ở nhà?

- Tiếng Anh
- Tiếng Pháp

Tiếng khác - *Ghi rõ*

(b) Người này **thường** nói tiếng nào khác ở nhà hay không?

- Không
- Có, tiếng Anh
- Có, tiếng Pháp

Có, tiếng khác - *Ghi rõ*

16. Tiếng nào người này học nói **đầu tiên** ở nhà **khi còn nhỏ** mà bây giờ **vẫn còn hiểu**?

Nếu người này không còn hiểu tiếng học nói khi còn nhỏ thì xin cho biết tiếng mà người đó học nói sau này.

- Tiếng Anh
- Tiếng Pháp

Tiếng khác - *Ghi rõ*

Cuộc kiểm tra dân số đã thu thập dữ kiện về nguồn gốc tổ tiên của dân chúng từ hơn 100 năm qua để ghi nhận sự cấu thành của dân số đa nguyên tại Ca-na-đa.

17. **Tổ tiên** người này thuộc nhóm sắc tộc hay văn hoá nào?


Tổ tiên thường là thuộc thế hệ xa hơn là ông bà

Thí dụ: Ca-na-đa, Anh, Pháp, Trung hoa, Ý, Đức, Tô cách lan, Ấn độ, Ái nhĩ lan, Crê, Mi'kmaq (Micmac), người bản xứ lai da trắng (Métis), Inuit (Eskimo), Ukren, Hòa lan, Phi luật tân, Ba lan, Bồ đào nha, Do thái, Hy Lạp, Jamaica, Việt nam, Li-băng, Chi-lê, Salvadore, Somali, v.v.

Ghi rõ nhiều nguồn gốc, nếu cần. Ghi bằng chữ in hoa.

18. Người này có phải là thổ dân, tức là người bản xứ Bắc Mỹ (Indian), người Métis hay người Inuit (Eskimo) không?

Nếu “Có” xin đánh dấu X vào trong các vòng tròn mô tả đúng nhất về người này.

- Không → Xin sang câu hỏi tiếp
- Có, Bản xứ Bắc Mỹ
- Có, Métis
- Có, Inuit (Eskimo)
-  Xin sang câu hỏi 20

-
19. Người này là người:

Đánh dấu X vào hơn một vòng tròn, nếu cần.

Những chi tiết này được thu thập để giúp cho các chương trình nhằm tạo cơ hội đồng đều cho mọi người tham gia vào đời sống xã hội, văn hóa và kinh tế của Ca-na-đa.

- Da trắng
- Trung hoa
- Nam Á (như Ấn độ, Pakistan, Tích lan, v.v.)
- Da đen
- Phi luật tân
- Châu Mỹ la tinh
- Đông nam Á (như Việt nam, Cam-pu-chia, Ma-lay-sia, Lào, v.v.)
- Ả rập
- Tây Á (như I-ran, A-phú hãn, v.v.)
- Đại hàn
- Nhật

Giống người khác - Xin ghi rõ:

-
20. Người này có phải thuộc cộng đồng dân Bản xứ/ First Nation (Indian) không?

- Không
- Có, thuộc cộng đồng dân Bản xứ/ First Nation



Cho biết thuộc cộng đồng dân Bản xứ/ First Nation (Indian) nào (thí dụ Musqueam)

21. Người này có phải là người bản xứ theo quy chế hiệp ước (treaty Indian) hay quy chế đăng ký (registered Indian) như quy định của đạo luật *Indian Act* của Ca-na-đa không?
- Không
 - Có, là người bản xứ theo quy chế hiệp ước hay quy chế đăng ký
-

QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ

23. Người này ở đâu **trước đây một năm**, tức là vào ngày **16 tháng 5 năm 2005**?

Đánh dấu X vào một vòng tròn thôi.

Chú ý:

Đối với những người đánh dấu vào vòng thứ 3:

Xin ghi tên thành phố hay thị trấn chứ đừng ghi tên vùng đại đô thị bao gồm thành phố hay thị trấn đó.

Thí dụ:

- *Ghi Saanich chứ đừng ghi "Victoria" (nghĩa là vùng đại đô thị);*
- *Ghi St. Albert chứ đừng ghi "Edmonton" (nghĩa là vùng đại đô thị);*
- *Ghi Laval chứ đừng ghi "Montreal" (nghĩa là vùng đại đô thị).*

Vẫn ở cùng địa chỉ hiện tại

Ở **địa chỉ khác** nhưng trong cùng một thành phố, tỉnh, làng, tỉnh nhỏ, thị trấn hay vùng dành riêng cho cộng đồng dân bản xứ

Ở tại một thành phố, tỉnh, làng, tỉnh nhỏ, thị trấn hay vùng dành riêng cho cộng đồng dân bản xứ **khác trong Ca-na-đa**



Xin ghi rõ:

Thành phố, tỉnh, làng, tỉnh nhỏ, thị trấn hay vùng dành riêng cho cộng đồng dân bản xứ

Tỉnh bang/lãnh thổ

Khu bưu chính

Ở ngoài Ca-na-đa



Ghi rõ tên nước

24. Người này ở đâu **trước đây 5 năm**, tức là vào ngày **16 tháng 5 năm 2001**?

Đánh dấu X vào một vòng tròn thôi.

Chú ý:

Đối với những người đánh dấu vào vòng thứ 3:

Xin ghi tên thành phố hay thị trấn chứ đừng ghi tên đại đô thị bao gồm thành phố hay thị trấn đó.

Thí dụ:

- *Ghi Saanich chứ đừng ghi "Victoria" (nghĩa là vùng đại đô thị);*
- *Ghi St. Albert chứ đừng ghi "Edmonton" (nghĩa là vùng đại đô thị);*
- *Ghi Laval chứ đừng ghi "Montreal" (nghĩa là vùng đại đô thị).*

Vẫn ở cùng địa chỉ hiện tại

Ở địa chỉ khác nhưng trong cùng một thành phố, tỉnh, làng, tỉnh nhỏ, thị trấn hay vùng dành riêng cho cộng đồng dân bản xứ

Ở tại một thành phố, tỉnh, làng, tỉnh nhỏ, thị trấn hay vùng dành riêng cho cộng đồng dân bản xứ khác trong Ca-na-đa

↓

Xin ghi rõ:

Thành phố, tỉnh, làng, tỉnh nhỏ, thị trấn hay vùng dành riêng cho cộng đồng dân bản xứ

Tỉnh bang/lãnh thổ

Khu bưu chính

Ở ngoài Ca-na-đa

↓

Ghi rõ tên nước

NƠI SINH CỦA CHA MẸ

25. Người cha và người mẹ của người này sinh tại đâu?

(a) **Cha**

Đánh dấu “X” vào mỗi vòng tròn hay ghi rõ tên quốc gia, theo ranh giới hiện tại

Cha

Sinh tại Ca-na-đa

Sinh ngoài Ca-na-đa

Ghi tên quốc gia

(b) **Mẹ**

Đánh dấu “X” vào mỗi vòng tròn hay ghi rõ tên quốc gia, theo ranh giới hiện tại.

Mẹ

Sinh tại Ca-na-đa

Sinh ngoài Ca-na-đa

Ghi tên quốc gia

GIÁO DỤC

26. Người này có học xong **lớp trung học** hay trình độ tương đương không?

Thí dụ chúng chỉ tương đương trung học như Giáo dục Tổng quát và Giáo dục cho Người Lớn (General Educational Development, GED, và Adult Basic Education, ABE).

Bằng hay chứng chỉ trung học

Có, bằng trung học

Có, chứng chỉ tương đương trung học

Không

27. Người này có học xong một **Chương trình Học nghề có Đăng ký** hay có bằng hay chứng chỉ **huấn nghề** nào khác không?

Đánh dấu “X” vào nhiều vòng tròn nếu cần

Thí dụ:

- *làm tóc*
- *nhân viên cơ khí CNC*

Chương trình Học nghề có Đăng ký hay bằng hay chứng chỉ huấn nghề

- Có. Chứng chỉ Chương trình Học nghề có Đăng ký
 - Có. Chứng chỉ hay bằng huấn nghề khác
 - Không
-

28. Người này có học xong chương trình **cao đẳng, CEGEP** hay các chương trình cấp bằng hay chứng chỉ **ngoài đại học** không?

Đánh dấu “X” vào nhiều vòng tròn nếu cần

Thí dụ:

- *công nghiệp kế toán*
- *đại diện địa ốc*
- *kỹ thuật công nghiệp*

Cao đẳng, CEGEP hay các chương trình cấp bằng hay chứng chỉ ngoài đại học

- Có. Chương trình dưới 3 tháng cấp bằng hay chứng chỉ.
 - Có. Chương trình từ 3 tháng tới dưới 1 năm cấp bằng hay chứng chỉ.
 - Có. Chương trình từ 1 năm tới dưới 2 năm cấp bằng hay chứng chỉ.
 - Có. Chương trình từ 2 năm trở lên cấp bằng hay chứng chỉ.
 - Không
-

29. Người này có học xong chương trình cấp bằng hay chứng chỉ **đại học** không?

Đánh dấu “X” vào nhiều vòng tròn nếu cần

Bằng hay chứng chỉ đại học

- Có, bằng hay chứng chỉ dưới trình độ cử nhân.
 - Có, bằng hay chứng chỉ trình độ cử nhân (kể cả cử nhân luật LL.B.)
 - Có, bằng hay chứng chỉ trên trình độ cử nhân
 - Có, bằng cao học (thạc sĩ)
 - Có, bằng bác sĩ y khoa, nha khoa, thú y, hay khoa chiết quang mắt (optometry)
 - Có, bằng tiến sĩ
 - Không
-

30. Chứng chỉ hay bằng tốt nghiệp **cao nhất** của người này thuộc ngành chuyên môn chính nào?

Xin nói rõ. Thí dụ:

- *cơ khí xe hơi*
- *công trình sư*
- *kỹ thuật nha khoa*
- *cơ khí máy bay*
- *kỹ thuật phòng thử nghiệm y khoa*
- *nhà trẻ*
- *kinh tế nông nghiệp*
- *kỹ thuật công nghiệp điện toán*

Ngành chuyên môn của chứng chỉ hay bằng tốt nghiệp cao nhất

HAY

- Không có chứng chỉ hay bằng tốt nghiệp (**cao hơn** trung học)



Đi tới câu hỏi 32

31. Người này đã học xong chứng chỉ hay bằng tốt nghiệp **cao nhất** tại tỉnh bang hay vùng lãnh thổ nào (tại Ca-na-đa), hay tại nước nào (ngoài Ca-na-đa)?

Tại Ca-na-đa

Nói rõ tỉnh bang/ vùng lãnh thổ

HAY

Ngoài Ca-na-đa

Nói rõ nước nào

32. Người này có khi nào đi học một chương trình cao đẳng, CEGEP hay đại học kể từ tháng 9 năm 2005 không?

Đánh dấu “X” vào nhiều vòng tròn nếu cần.

- Có, đi học tiểu học, trung học cấp 1 hay trung học cấp 2
- Có, đi học trường huấn nghệ, cao đẳng, CEGEP hay các trường không phải là đại học
- Có, đi học trường đại học
- Không, không đi học một trường nào kể từ tháng 9 năm 2005

HOẠT ĐỘNG TRONG NHÀ

Ghi chú:

Tuần trước: tức là chỉ thời gian từ Chủ Nhật, ngày 7 tháng 5 tới Thứ bảy, ngày 13 tháng 5 năm 2006.

Trong câu số 33, nếu làm hơn một công việc trong cùng thời gian xin ghi lại tất cả số giờ cho mỗi hoạt động.

33. **Tuần trước**, người này dành bao nhiêu giờ để làm các công việc dưới đây?

- (a) làm việc nhà **không có thù lao**, như dọn dẹp sân, sửa sang nhà cửa cho người trong nhà hay cho những người khác?

Vài thí dụ như: nấu ăn, rửa xe, giặt quần áo, cắt cỏ, mua bán, sắp xếp nhà cửa, v.v.

- Không có giờ nào
- Dưới 5 giờ
- 5 giờ tới 14 giờ
- 15 giờ tới 29 giờ
- 30 giờ tới 59 giờ
- Hơn 60 giờ

- (b) trông con của người này hay con của người khác mà **không có thù lao**?

Vài thí dụ như: tắm, chơi với trẻ, lái xe đưa trẻ đi chơi thể thao hay giúp trẻ làm bài, nói chuyện với các thiếu niên về các vấn đề của các em, v.v.

- Không có giờ nào
- Dưới 5 giờ
- 5 giờ tới 14 giờ
- 15 giờ tới 29 giờ
- 30 giờ tới 59 giờ
- Hơn 60 giờ

- (c) săn sóc hay giúp đỡ một hay nhiều người cao niên mà **không có thù lao** ?

Một vài thí dụ như: săn sóc một người cao niên trong gia đình, thăm các cụ cao niên, nói chuyện điện thoại với các cụ, giúp các cụ đi mua bán, ra ngân hàng hay cho uống thuốc v.v.

- Không có giờ nào
- Dưới 5 giờ
- 5 giờ tới 9 giờ
- 10 giờ tới 19 giờ
- Hơn 20 giờ

HOẠT ĐỘNG TRÊN THỊ TRƯỜNG NHÂN CÔNG

34. **Tuần trước**, người này đã làm việc bao nhiêu giờ để lãnh lương **hoặc** làm việc cho chính mình?

Xin ghi tổng số giờ cho tất cả việc làm có lãnh lương hoặc việc làm cho chính mình trong tuần qua? Gồm:

- làm lấy tiền công, tiền lương, tiền thưởng hay tiền hoa hồng;
- làm việc cho cơ sở làm ăn, nông trại, văn phòng hành nghề chuyên môn của mình, làm một mình hoặc có hùn hạp;
- làm việc trực tiếp cho việc điều hành một nông trại hay một cơ sở làm ăn của gia đình mà không có những sự sắp xếp chính thức để thù lao (như giúp gieo hạt, làm sổ sách).

Số giờ (cho số giờ gần đúng nhất)

_____ → Xin sang câu hỏi 40

HAY

Không → Xin sang câu hỏi tiếp

35. **Tuần trước**, người này có tạm thời nghỉ việc hay tạm thời vắng mặt tại nơi làm việc hoặc chỗ làm ăn riêng của mình không?

Xin đánh dấu “X” vào một vòng tròn thôi

- Không
 - Có, tạm thời nghỉ ở chỗ đang làm việc nhưng sẽ trở lại làm việc
 - Có, vì nghỉ phép, bệnh, đình công hay cấm công (lock-out) hay vì lý do nào khác
-

36. **Tuần trước**, người này có những sắp xếp chắc chắn để sẽ làm một việc mới trong vòng bốn tuần tới không?

- Không
 - Có
-

37. **Trong bốn tuần vừa qua**, người này có tìm việc làm có thù lao không?

Thí dụ người này có liên hệ với Sở Nhân dụng Ca-na-đa, với các chủ nhân hay đang và trả lời các quảng cáo tìm việc không?

Xin đánh dấu “X” vào một vòng tròn thôi.

- Không → Xin sang câu hỏi 39
 - Có, có tìm việc làm toàn thời gian.
 - Có, có tìm việc làm bán thời gian (dưới 30 giờ một tuần)
-

38. **Tuần trước**, nếu có việc thì người này đã có thể bắt đầu làm việc được không?

Xin đánh dấu “X” vào một vòng tròn thôi.

- Có, đã có thể bắt đầu
 - Không, đã có việc làm rồi
 - Không, vì tạm thời bị bệnh hay mất khả năng làm việc
 - Không, vì công việc cá nhân hay gia đình
 - Không, vì đi học
 - Không, vì các lý do khác
-

39. Thời gian gần nhất người này làm việc có thù lao **hay** làm việc riêng cho mình, dù chỉ có vài ngày, là bao giờ?

Xin đánh dấu “X” vào một vòng tròn thôi.

- Trong năm 2006 → Trả lời câu hỏi kế tiếp
 - Trong năm 2005 → Trả lời câu hỏi kế tiếp
 - Trước năm 2005 → Sang câu hỏi 51
 - Chưa bao giờ làm việc → Sang câu hỏi 51
-

Ghi chú: Câu hỏi 40 tới 48 đều liên quan tới công việc hay việc làm ăn của người này trong tuần qua.

Nếu trong tuần qua người này không có việc làm thì ghi công việc làm lâu nhất từ ngày 1 tháng giêng năm 2005. Nếu trong tuần qua người này làm hơn một việc thì ghi việc nào làm **nhieu giờ nhất**.

40. Người này làm việc cho ai?

Đối với những người tự làm cho mình thì ghi tên cơ sở kinh doanh của mình. Nếu cơ sở không có tên thì ghi tên mình.

Xin ghi bằng chữ in hoa như sau:

Tên xí nghiệp hay cơ quan chính quyền, v.v.

A B C C O N C R E T E P R O D U C T S L I M I T E D

Tên xí nghiệp hay cơ quan chính quyền, v.v.

Bộ phận, nhà máy, vụ, v.v.(nếu cần)

41. Đây là loại cơ sở thương mại, công nghiệp hay dịch vụ gì?

Xin ghi rõ chi tiết. Thí dụ:

- *xây dựng nhà mới*
- *trường tiểu học*
- *cảnh sát thành phố*
- *nông trại trồng lúa mì*
- *tiệm bán giày*
- *cửa hàng bán sủ thực phẩm*
- *xưởng chế tạo phụ tùng xe hơi*

Loại cơ sở thương mại, công nghiệp hay dịch vụ

42. Người này làm công việc gì?

Xin ghi rõ. Thí dụ:

- *thư ký văn phòng luật*
- *thợ làm ống nước*
- *hướng dẫn người đi câu*
- *thợ ráp đồ gỗ*
- *giáo viên trung học*

(Nếu ở trong quân đội thì ghi cấp bậc)

Nghề nghiệp

43. Trong công việc này, hoạt động quan trọng nhất của người này là gì?

Xin ghi rõ chi tiết. Thí dụ:

- *chuẩn bị các văn kiện pháp lý*
- *đặt ống dẫn nước trong nhà ở*
- *hướng dẫn các đoàn đi câu*
- *làm đồ đạc bằng gỗ*
- *dạy toán*

Hoạt động chính

44. Trong công việc này, người này làm việc chủ yếu là để

Xin đánh dấu "X" một vòng tròn thôi

- lãnh tiền công, tiền lương, tiền thưởng hay tiền hoa hồng → **Xin sang câu hỏi 46**
- làm việc không lương cho người hôn phối hay người bà con trong một nông trại hay cơ sở kinh doanh gia đình → **Xin sang câu hỏi 46**
- làm việc cho chính mình, không thuê người giúp việc (làm một mình hay chung với người khác)?
- làm việc cho chính mình, có thuê người giúp việc (làm một mình hay chung với người khác)?

45. Nếu làm việc cho chính mình thì nông trại hay cơ sở kinh doanh này có đăng ký hợp thành đoàn thể không?

- Không
- Có

46. Người này **thường** làm việc tại địa chỉ nào **hiều thời gian nhất**?

Thí dụ :

	365	Laurier	Ave.	West
Số nhà	↑	↑	↑	↑
Tên đường	_____			
Loại đường	_____			
Hướng	_____			

Nếu tên đường có chỉ phương hướng như Đông, Tây, Nam, Bắc thì xin ghi rõ.

Nếu địa chỉ không có hay nếu địa chỉ là một hộp thư thì cho biết rõ tên cái bin-đỉnh hoặc góc đường gần nhất. Đừng ghi số hộp thư.

Xin ghi tên thành phố hay thị trấn chứ đừng ghi tên đại đô thị bao gồm thành phố hay thị trấn đó.

Thí dụ:

- Ghi Saanich chứ đừng ghi "Victoria" (nghĩa là vùng đại đô thị);
- Ghi St. Albert chứ đừng ghi "Edmonton" (nghĩa là vùng đại đô thị);
- Ghi Laval chứ đừng ghi "Montreal" (nghĩa là vùng đại đô thị).

Nếu địa chỉ chỗ làm việc khác địa chỉ của người chủ thì ghi địa chỉ nơi người này thực sự làm việc (thí dụ giáo viên thì ghi địa chỉ trường mình dạy chứ không phải địa chỉ của hội đồng giáo dục)

- Làm việc tại nhà (kể cả nông trại) → Xin sang câu hỏi 48
- Làm việc ngoài Ca-na-đa → Xin sang câu hỏi 48
- Không có địa chỉ chỗ làm nhất định → Xin sang câu hỏi 47
- Làm việc tại địa chỉ ghi dưới đây

Ghi đầy đủ địa chỉ:

Địa chỉ (xin xem thí dụ)

Thành phố, tỉnh, làng, tỉnh nhỏ, thị trấn hay vùng dành riêng cho cộng đồng dân bản xứ

Tỉnh bang / Lãnh thổ

Khu bưu chính

47. Người này **thường** đi làm bằng gì?

*Nếu thường đi làm bằng nhiều phương tiện khác nhau thì **đánh dấu vào phương tiện dùng trên đoạn đường dài nhất***

- Xe hơi, xe vận tải, xe van - tự lái
 - Xe hơi, xe vận tải, xe van - không tự lái
 - Chuyên chở công cộng (*như xe buýt, xe điện, xe điện ngầm, xe điện transit, xe điện nối ngoại ô và trung tâm thành phố, phà*)
 - Đi bộ tới chỗ làm việc
 - Đi xe đạp
 - Đi xe mô tô
 - Đi xe taxi
 - Phương tiện khác
-

48. (a) Trong công việc này, người này **thường dùng tiếng gì nhất?**

- Tiếng Anh
- Tiếng Pháp

Tiếng khác - *Xin ghi rõ*

(b) Người này có **thường** dùng tiếng nào khác trong công việc này không?

- Không
- Có, tiếng Anh
- Có, tiếng Pháp

Có, tiếng khác - *Xin ghi rõ*

49. Người này làm việc bao nhiêu **tuần lễ** trong năm 2005?

Xin ghi tổng số tuần lễ cho tất cả việc làm có lãnh lương hoặc việc làm cho chính mình trong năm 2005.

Kể cả những tuần mà người này:

- *nghỉ phép hay nghỉ bệnh có ăn lương;*
- *làm việc toàn thời gian hay bán thời gian;*
- *làm việc có tiền công, tiền lương, tiền thưởng hay tiền hoa hồng;*
- *làm công việc cho chính mình;*
- *làm việc trực tiếp cho việc điều hành một nông trại hay một cơ sở kinh doanh của gia đình mà không chính thức nhận thù lao.*

Không → Xin sang câu hỏi 51

HAY

_____ ← Số tuần lễ

50. Trong **phần lớn** số tuần lễ đó người này làm việc **toàn thời gian** hay **bán thời gian**?

Chỉ đánh dấu "X" vào một vòng tròn thôi

- Toàn thời gian (từ 30 giờ trở lên mỗi tuần)
 - Bán thời gian (dưới 30 giờ mỗi tuần)
-

THU NHẬP NĂM 2005

51. Để tiết kiệm thời giờ, thay vì trả lời **câu hỏi 52**, mỗi người có thể cho phép bộ Thống kê Ca-na-đa dùng thông tin đã có sẵn trong hồ sơ khai thuế của mình.

- *Chỉ có thể làm cách này nếu người đó đã khai thuế cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005.*
- Xin nhớ rằng thông tin đó chỉ dùng vào mục đích thống kê thôi.

Người này có cho phép bộ Thống kê Ca-na-đa dùng thông tin đã có sẵn trong hồ sơ khai thuế của mình cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005 không?

- Có → Người 1 đồng ý. **Đi tới câu hỏi 53**
- Không → **Tiếp tục trả lời câu hỏi 52**
-

52. Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005, người này có nhận được thu nhập nào qua các nguồn liệt kê dưới đây không?

Trả lời “Có” hay “Không” cho tất cả các nguồn. Nếu “Có” xin ghi rõ số tiền; nếu lỗi xin ghi “Lỗi”

LÀM VIỆC CÓ THỪ LAO:

(a) Tổng số **tiền công** và **tiền lương**, kể cả tiền hoa hồng, tiền thưởng của hãng, tiền thưởng của khách, các khoản phúc lợi có chịu thuế, tiền cấp khoản để nghiên cứu, tiền tác quyền, v.v. trước khi khấu trừ mọi khoản.

- Có
- ↳ \$ _____ .00
- Không
-

LÀM CHO CHÍNH MÌNH

(b) **Thu nhập thuần từ nông trại** (tổng số thâu trừ chi phí), gồm cả tiền cấp khoản, tiền trợ cấp thuộc các chương trình yểm trợ nông trại, tiền trợ cấp của các Hội đồng tiếp thị nông phẩm, tổng số thâu của các chương trình bảo hiểm

- Có
- ↳ \$ _____ .00
- Lỗi
- Không

(c) Thu nhập thuần không phải từ nông trại mà là từ các cơ sở kinh doanh không đăng ký hoạt động như một công ty hay từ cơ sở hành nghề tự do, v.v. (tổng số thu trừ chi phí)

Có

↳ \$ _____ .00

Lỗ

Không

THU NHẬP NHẬN ĐƯỢC TỪ CHÍNH PHỦ

(d) Phúc lợi cho **trẻ em** như khoản giảm thuế cho gia đình có con, phụ cấp gia đình (của chính phủ liên bang, tỉnh bang và vùng lãnh thổ)

Có

↳ \$ _____ .00

Không

(e) Trợ cấp dưỡng lão (Old Age Security Pension), Thu nhập phụ bảo đảm (Guaranteed Income Supplement), Phụ cấp và Phụ cấp cho Người Góa (Allowance for the Survivor). *Chỉ ghi các khoản của chính phủ liên bang thôi (các khoản trợ cấp của chính phủ tỉnh bang xin ghi vào mục (h))*

Có

↳ \$ _____ .00

Không

(f) Tiền hưu trí của Quỹ Hưu bổng Ca-na-đa hay Québec (Canada/Quebec Pension Plan)

Có

↳ \$ _____ .00

Không

(g) Tiền nhận được từ Quỹ Bảo hiểm việc làm (Employment Insurance), (số tiền nhận được trước khi trừ thuế)

Có

↳ \$ _____ .00

Không

(h) **Thu nhập khác** từ các nguồn của chính phủ như cấp khoản và phụ cấp bổ túc của chính phủ tỉnh bang, tiền bồi hoàn thuế GST/QST/HST, tiền giảm thuế của tỉnh bang, tiền bồi thường tai nạn lao động, tiền cựu chiến binh, tiền xã hội.

Có

↳ \$ _____ .00

Không

THU NHẬP KHÁC:

(i) **Tiền lời của các cổ phần, tiền lãi** của các trái phiếu, các chứng chỉ ký thác và tiết kiệm, và **các thu nhập từ các đầu tư khác** như tiền thuê thuần do việc cho thuê bất động sản, tiền lãi do cho vay tiền mua nhà. *Đừng ghi các ghi các khoản lời/lỗ từ vốn đầu tư (capital gains/losses).*

Có

↳ \$ _____ .00

Lỗ

Không

(j) **Tiền hưu (retirement pension), phụ cấp khi về hưu (superannuation) và cấp khoản hàng năm (annuities) gồm cả tiền RRSP và RRIF.** *Đừng bao gồm tiền rút ra từ một quỹ hưu bổng hay từ RRSP*

Có

↳ \$ _____ .00

Không

(k) **Tiền thu nhập khác, như tiền cấp dưỡng sau khi ly dị, tiền cấp dưỡng nuôi con, học bổng**

Có

↳ \$ _____ .00

Không

TỔNG SỐ THU NHẬP trong năm 2005 từ tất cả các nguồn

Có

↳ \$ _____ .00

Lỗ

Không

THUẾ THU NHẬP đã đóng trong năm 2005 (cho chính phủ liên bang, tỉnh bang và lãnh thổ)

▶ \$ _____ .00

Câu hỏi sau đây là cho tất cả các người thường cư ngụ tại đây bao gồm cả những người dưới 15 tuổi. Nếu quý vị đang trả lời cho những người đó thì xin tham khảo ý kiến của từng người.

53. *Đạo luật Thống kê* bảo đảm giữ kín các thông tin về kiểm tra của quý vị. Chỉ khi nào quý vị đánh dấu trả lời là “CÓ” trong câu hỏi này thì các thông tin về cá nhân của quý vị mới được phổ biến 92 năm sau cuộc Kiểm tra 2006. Nếu quý vị trả lời là “KHÔNG”, hay để trống thì thông tin về cá nhân của quý vị sẽ không bao giờ được phổ biến.

Người này có đồng ý cho phổ biến các thông tin về cá nhân về cuộc Kiểm tra 2006 vào năm 2098 (92 năm sau cuộc kiểm tra) không?

- Có
 Không
-

BUỚC F

Trả lời câu H1 tới H8 về chỗ ở này:

Chỗ ở là một tập hợp khu cư ngụ riêng biệt có lối đi riêng từ ngoài vào hay từ hành lang chung hay một cầu thang trong căn nhà. Lối vào này không đi qua chỗ ở của người khác.

H1. Ai trả tiền thuê nhà hoặc tiền vay thế chấp mua nhà, thuế, điện, v.v. cho chỗ ở này?

Nếu có hơn một người trả cho các khoản đó thì đánh dấu “X” vào hơn một vòng tròn cho đúng với số người.

- Người 1
 - Người 2
 - Người 3
 - Người 4
 - Người 5
 - Một người đã ghi trong bản trả lời khác cho chỗ ở này
 - Một người không ở đây
-

H2. Chỗ ở này:

Xin đánh dấu “X” vào một vòng thôi.

- thuộc về quý vị hay một người trong hộ này (dù vẫn chưa trả hết)?
 - được thuê (dù tiền thuê không được trả bằng tiền mặt)?
-

H3. (a) Chỗ ở này có mấy phòng?

Kể cả bếp, phòng ngủ, phòng đã hoàn tất ở dưới hầm hay ở sát mái, v.v.

Đừng kể phòng tắm, hành lang, phòng để áo mũ nơi cửa vào và các phòng chỉ dùng vào việc kinh doanh.

← Số phòng

(b) Trong số các phòng này có mấy phòng ngủ?

← Số phòng ngủ

H4. Chỗ ở này được xây từ bao giờ?

Ghi thời kỳ căn nhà này được xây xong, chứ không phải thời kỳ của các lần sửa, xây thêm hay thay đổi kiểu về sau. Nếu không biết rõ năm, xin ghi năm ước lượng gần nhất

- 1920 về trước
 - 1921-1945
 - 1946-1960
 - 1961-1970
 - 1971-1980
 - 1981-1985
 - 1986-1990
 - 1991-1995
 - 1996-2000
 - 2001-2006
-

H5. Chỗ ở này có cần phải sửa sang gì không?

Đừng bao gồm các công tác như dự định thay đổi kiểu hay xây thêm

- Không, chỉ cần **bảo trì thường** xuyên (sơn, làm sạch lò, v.v)
 - Có, **cần sửa chữa nhỏ** (gạch lát sàn, gạch xây tường hay tấm lát mái bị mất hay long ra, bậc lên xuống, tay vịn hay lớp che tường ngoài bị hư, v.v)
 - Có, cần **sửa chữa lớn** (ống dẫn nước hay dây điện hư, cấu trúc tường, sàn hay trần nhà phải sửa, v.v)
-

Trả lời câu hỏi H6 tới H8 chỉ cho chỗ **hiện nay quý vị** đang ở thôi, ngay cả trong trường hợp mà quý vị có hay thuê hơn một chỗ ở. Nếu không biết số đích xác thì cho số ước lượng gần nhất.

Ghi chú: Nếu quý vị hay bất cứ người nào ở tại đây là người làm nghề nông và đang ở ngay trong nông trại nơi quý vị làm việc thì xin đánh dấu “X” vào đây → rồi sang tiếp bước G ở trang tới

H6. Tại chỗ ở này, **MỖI NĂM** (trong 12 tháng qua) trả bao nhiêu tiền cho:

(a) điện

- Không trả
 Bao gồm trong tiền thuê và các khoản khác

HAY \$ _____ .00 mỗi năm

(b) dầu đốt, hơi đốt, than, củi hay các loại nhiên liệu khác?

- Không trả
 Bao gồm trong tiền thuê và các khoản khác

HAY \$ _____ .00 mỗi năm

(c) nước và các dịch vụ khác của thị trấn?

- Không trả
 Bao gồm trong tiền thuê và các khoản khác

HAY \$ _____ .00 mỗi năm

H7. Câu dành riêng cho **NGƯỜI Ở THUÊ**

Tiền thuê nhà hàng tháng cho chỗ ở này là bao nhiêu?

- Tiền thuê không trả bằng tiền mặt

HAY \$ _____ .00 mỗi tháng

H8. Dành riêng cho CHỦ NHÀ, xin trả lời từ (a) tới (f):

(a) Tổng số tiền trả **mỗi tháng** cho tiền vay mua nhà hay các tiền vay khác cho chỗ ở này là bao nhiêu?

Không → Sang phần (c)

HAY \$ _____ .00 mỗi tháng

(b) Thuế thổ trạch (đóng cho thị xã và trường học) có được tính trong số tiền ghi trong phần (a) không?

Không → Sang phần (d)

Có

(c) Thuế thổ trạch (đóng cho thị xã và trường học) cho chỗ ở này **mỗi năm** ước lượng khoảng bao nhiêu?

Không

HAY \$ _____ .00 mỗi năm

(d) Nếu bây giờ bán chỗ ở này thì quý vị cho rằng bán với giá khoảng bao nhiêu?

\$ _____ .00

(e) Chỗ ở này có phải là một phần của một công-đô (condominium) có đăng ký không?

Có → Tiếp tục phần (f)

Không → Sang Bước G ở trang tới

(f) Tiền công-đô **mỗi tháng** là bao nhiêu?

Không có

HAY \$ _____ .00 mỗi tháng

BƯỚC G

Quý vị đã trả lời xong bản câu hỏi.

PHẦN 2

LÝ DO TẠI SAO PHẢI ĐẶT CÁC CÂU HỎI NÀY

LÝ DO TẠI SAO PHẢI ĐẶT CÁC CÂU HỎI NÀY

BUỐC A

Chúng tôi cần số điện thoại của quý vị để liên hệ với quý vị chỉ trong trường hợp quý vị đã quên cung cấp thông tin trong bản câu hỏi.

Chúng tôi cần địa chỉ của quý vị để bảo đảm là đã đếm đủ tất cả các đơn vị gia cư.

Chỉ trả lời phần địa chỉ nếu không có địa chỉ in trong trang đầu của bản câu hỏi hay nếu địa chỉ quý vị đang ở vào ngày 16 tháng 5 năm 2006 khác với địa chỉ in trong trang đầu của bản câu hỏi.

Trong trường hợp địa chỉ in không đúng hẳn (sai tên đường hay sai loại đường) thì quý vị không phải sửa lại địa chỉ trong chỗ trả lời hay trong địa chỉ đã in.

Số điện thoại và địa chỉ của quý vị có thể được dùng trong các cuộc thăm dò sau cuộc kiểm tra.

BUỐC B VÀ C

Các bước này giúp quý vị quyết định xem ai là người **phải** bao gồm trong bản câu hỏi và ai là người **không cần** bao gồm. Các bước này cũng giúp chúng tôi biết chắc là đã đếm tất cả những người cần được đếm và không có ai bị đếm hai lần. Xin quý vị xem phần chỉ dẫn 1, 2 và 3 trong trang 2 của bản câu hỏi.

BUỐC D

Bước này cho chúng tôi biết ai trong hộ của quý vị đang điều hành một nông trại và cũng giúp chúng tôi đếm tất cả các nông trại cho cuộc Kiểm tra Nông nghiệp.

BUỐC E

Xin chép lại trong các ô bằng chữ in hoa tên của các người đã ghi trong Bước B để trả lời **Câu hỏi 1 ở đầu trang 4**. Xin giữ đúng thứ tự đã dùng. Điều quan trọng là các dữ kiện cho các người trong hộ phải hợp với tên của các người mà quý vị đã kê ra. Bản câu hỏi này dùng cho các hộ có từ 5 người trở xuống. Nếu trong hộ có trên 5 người thì quý vị phải cần thêm một bản câu hỏi nữa. Xin gọi điện thoại miễn phí cho đường dây Giúp đỡ Kiểm tra tại số 1 877 594-2006 để lấy thêm bản câu hỏi.

CÂU HỎI

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DÂN SỐ

Câu hỏi 1 hỏi tên những người trong hộ để biết chắc là không có ai bị bỏ sót hay bị đếm hai lần.

Câu hỏi 2 tới 6 hỏi về các người trong hộ. Các câu hỏi này cho biết về cách sinh hoạt gia đình của người Ca-na-đa ra sao, có bao nhiêu người trong gia đình, số trẻ em sống với một bố hay một mẹ hay với cả hai bố mẹ, và số người sống một mình. Thông tin này được dùng để đặt các kế hoạch xã hội như Phụ cấp Dưỡng lão và giảm thuế cho gia đình có trẻ em. Thông tin này cũng cần cho các tỉnh và thành phố để lập kế hoạch cho một số các dịch vụ như trung tâm giữ trẻ, trường học và nhà dưỡng lão.

SINH HOẠT HÀNG NGÀY

Câu số 7 và 8 cung cấp thông tin về số người Ca-na-đa có khó khăn trong các sinh hoạt hàng ngày và sinh hoạt hàng ngày bị giới hạn vì thể lực, tình trạng tinh thần hay vấn đề sức khỏe. Kết quả của cuộc điều tra được Bộ Thống kê Ca-na-đa dùng để tìm hiểu hơn về những trở ngại mà các người này gặp phải trong sinh hoạt hàng ngày.

THÔNG TIN VỀ VĂN HÓA XÃ HỘI

Câu hỏi 9 tới 21 cho biết các nét chính về đặc tính văn hóa xã hội của dân Ca-na-đa.

Câu 9 hỏi về tỉnh bang hay vùng lãnh thổ tại Ca-na-đa, hay một nước ngoài Ca-na-đa, nơi người ta sinh ra. Thông tin này cho ta biết sự di chuyển của dân chúng trong Ca-na-đa và giữa Ca-na-đa và các nước khác. Câu hỏi đó cũng cho ta biết về tính đa nguyên của dân Ca-na-đa.

Câu 10 cho biết về tình trạng quốc tịch của dân Ca-na-đa để giúp cho việc tổ chức bầu cử. Khi phối hợp với các dữ kiện về lứa tuổi, ta có thể tính được số người sẽ đi bầu. Câu hỏi này cũng cho các thông tin để tổ chức các lớp và các chương trình thi vào quốc tịch.

Câu hỏi 11 và 12 cho biết số người nhập cư và người không thường trú tại Ca-na-đa, và năm mà những người này tới nhập cư tại Ca-na-đa. Thông tin do những câu hỏi này cung cấp thường được dùng với các dữ kiện kiểm tra dân số khác để so sánh hoàn cảnh văn hóa xã hội của các người di dân qua thời gian, để duyệt lại các chính sách và chương trình di dân và nhân dụng, cũng như để thiết lập các kế hoạch về giáo dục, y tế, và các dịch vụ khác.

Câu hỏi 13 và 16 dùng để thi hành các chương trình bảo vệ quyền của dân Ca-na-đa theo như quy định của *Hiến chương về quyền Tự do và Nhân quyền của Ca-na-đa*. Tài liệu này cũng dùng để ấn định nhu cầu học tiếng Anh hay Pháp và cung cấp các dịch vụ bằng tiếng Anh hay Pháp.

Câu hỏi 17 cung cấp thông tin về tính cách đa chủng tộc và đa văn hóa của dân Ca-na-đa. Câu hỏi này giúp thu thập các thông tin cần có để thi hành các điều quy định trong *Luật Đa văn hóa* và trong *Hiến chương về quyền Tự do và Nhân quyền của Ca-na-đa*. Tài liệu này được sử dụng rất nhiều bởi các tổ chức văn hóa hay dân tộc cũng như bởi các cơ quan và các nhà nghiên cứu để áp dụng vào các hoạt động như quảng bá y tế, thông tin và tiếp thị.

Câu hỏi 18, 20 và 21 cho tài liệu về các dân tộc Bản xứ Bắc Mỹ (dân bản xứ, dân Métis, dân Inuit). Tài liệu này được dùng để thi hành các đạo luật và các chương trình nhân dụng theo với *Đạo luật về Dân bản xứ (Indian Act)* của Ca-na-đa và *Luật về Tạo Việc làm Đồng đều (Employment Equity Act)*. Tài liệu này cũng được sử dụng bởi các nhà nghiên cứu, các tổ chức cộng đồng và chính quyền của các Dân tộc Bản xứ để xem xét nhiều loại vấn đề trong lĩnh vực dân số, xã hội và kinh tế.

Câu hỏi 19 cho chúng ta biết về các nhóm thuộc dân thiểu số da màu tại Ca-na-đa. Tài liệu này cần cho các chương trình trong *Luật về Tạo Việc làm Đồng đều (Employment Equity Act)* nhằm tạo cơ hội đồng đều cho mọi người có việc làm.

QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ

Câu hỏi 23 và 24 cho ta biết những người sống tại Ca-na-đa di chuyển từ nơi nào đến nơi nào, kể cả trong nước lẫn ngoài nước. Tài liệu này dùng để ước lượng số dân của Ca-na-đa và của các tỉnh bang cũng như các vùng trong tỉnh bang trong khoảng thời gian giữa các cuộc kiểm tra dân số. Tài liệu này cũng được dùng để ấn định các nhu cầu tương lai về gia cư, giáo dục, vận tải và các dịch vụ xã hội. Tài liệu này cũng cần cho các chương trình nằm trong *Đạo luật về phân phối tài nguyên ngân sách (Fiscal Arrangments Act)*.

NƠI SINH CỦA CHA MẸ

Câu hỏi 25 cho ta biết số người sinh tại Ca-na-đa mà cha mẹ lại sinh ở ngoài Ca-na-đa. Thông tin do câu hỏi này cung cấp có thể dùng để nhận định tình trạng kinh tế xã hội của thế hệ thứ hai của những người di cư tới Ca-na-đa.

GIÁO DỤC

Câu hỏi 26 tới 32 cho chúng ta biết về giáo dục và huấn nghệ cho những người sống tại Ca-na-đa và những nghề chuyên môn của họ. Tài liệu này được sử dụng bởi các chính phủ và hãng thuê người làm để biết có đủ người có trình độ giáo dục, huấn nghệ và tay nghề thích hợp trong một lãnh vực nhân dụng nào đó. Nhờ vậy mà những cơ quan này có thể lập các chương trình huấn nghệ theo đúng với nhu cầu thay đổi của lực lượng lao động.

Câu hỏi 32 cung cấp thông tin về số người đi học, là thông tin cần cho việc đặt kế hoạch tài trợ chương trình giáo dục trên trung học và giáo dục cho người lớn theo quy định của *Đạo luật cho sinh viên vay tiền (Canada Student Loans Act)*. Tài liệu này cũng được dùng để lập các chương trình khuyến khích mọi người theo đuổi việc học hoặc trở lại trường để tiếp tục học.

HOẠT ĐỘNG TRONG NHÀ

Câu hỏi 33 cho ta biết số giờ người ta dùng để làm việc nhà không có thù lao. Khi phối hợp với các dữ kiện về việc làm có thù lao, thông tin này sẽ cho ta hiểu rõ là những người sống tại Ca-na-đa sắp xếp giữa các hoạt động có thù lao và không thù lao ra sao.

HOẠT ĐỘNG TRONG THỊ TRƯỜNG NHÂN CÔNG

Câu hỏi 34 tới 50 thu thập những tài liệu về **công ăn việc làm có thù lao và các công việc làm riêng của mình** của những người **từ 15 tuổi trở lên**. Tài liệu này quan trọng cho chính phủ và giới kinh doanh ở mọi cấp để lập các chương trình giáo dục và huấn nghệ, nhận định việc sử dụng ngôn ngữ, dự đoán các cơ hội có công ăn việc làm trong tương lai, lập kế hoạch đặt các hệ thống vận tải và chuyên chở hữu hiệu, và để đưa ra những biện pháp tạo công ăn việc làm trong các cộng đồng ở khắp Ca-na-đa.

THU NHẬP TRONG NĂM 2005

Các câu hỏi 51 và 52 cung cấp nguồn tài liệu thống kê chi tiết về thu nhập của mọi người, của mọi gia đình và của các hộ trong Ca-na-đa. Các tài liệu về thuế thu nhập không bao gồm tất cả mọi người mà cũng không cho biết những điều quan trọng về đặc tính của những người có thu nhập.

Các chính phủ dùng thông tin này để đưa ra những chương trình trợ cấp thu nhập như tiền dưỡng lão (OAS), phụ cấp thu nhập của các tỉnh bang, và phụ cấp xã hội. Các chính phủ cũng dùng tài liệu đó để đánh giá các chương trình khác như chế độ tiền lương công bằng, và chương trình gia cư và để định rõ vùng nào cần được giúp đỡ.

Giới kinh doanh cũng dùng các dữ kiện này để mở các cửa hàng bán sỉ và bán lẻ gần các người tiêu thụ thích hợp và để xác định tiềm năng thị trường cho những sản phẩm và dịch vụ.

Các công đoàn và giới kinh doanh dùng các thống kê về thu nhập của các nhóm ngành nghề để thương lượng các thỏa hiệp về tiền lương và để giải quyết các yêu cầu đòi bồi hoàn.

Các tổ chức đại diện cho các người Ca-na-đa cần có trợ giúp xã hội cũng thường căn cứ vào các thống kê về thu nhập được thu thập qua cuộc kiểm tra để biện minh cho lập luận của họ.

Các cá nhân cũng dùng các thống kê về thu nhập để so sánh mức thu nhập của họ với mức thu nhập bình quân trong ngành nghề của họ hay trong vùng của họ hay trong toàn quốc.

Các thông tin thuộc về cá nhân hay có thể giúp nhận ra là thuộc về ai không bao giờ được bán hay cho để dùng làm bản danh sách gửi thư. KHÔNG MỘT AI, kể cả các cơ quan của chính phủ như Cơ quan Thuế Ca-na-đa (Canada Revenue Agency, CRA), được tiếp cận với các thông tin về thu nhập hay thông tin cá nhân khác được thu thập qua cuộc kiểm tra. Tất cả các câu trả lời của quý vị đều được giữ kín. Luật đã quy định như vậy.

TIẾP CẬN VỚI CÁC THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN 92 NĂM SAU CUỘC KIỂM TRA

Câu hỏi 53 bảo đảm rằng mỗi người đều được có cơ hội để quyết định một cách có suy xét về việc các thông tin về kiểm tra của họ sẽ được sử dụng ra sao. Chỉ khi nào trả lời là “CÓ” trong câu hỏi này thì các thông tin về cá nhân của người trả lời mới được phổ biến 92 năm sau cuộc Kiểm tra 2006. Chấp thuận cho phổ biến các thông tin về kiểm tra tức là giúp cho các thế hệ mai sau có thể hiểu rõ xã hội Ca-na-đa như thế nào vào năm 2006.

Khi trả lời câu hỏi này xin tham khảo ý kiến với từng người trong hộ để họ cho ý kiến trước khi trả lời. Nếu không có ý kiến của họ thì đừng trả lời câu này cho họ. Nếu là trẻ em thì cha mẹ hay người giám hộ hợp pháp có thể trả lời hộ.

Trong trường hợp có người muốn thay đổi câu trả lời hay trước kia không trả lời mà về sau lại muốn trả lời thì xin viết thư cho Viên chức Điều hợp việc thi hành luật Tiếp cận Thông tin và Bảo vệ quyền Riêng tư tại địa chỉ sau đây: Coordinator, Access to Information and Privacy, Statistics Canada, 120 Parkdale Ave. Ottawa, ON, K1A 0T6

BUỐC F: GIA CƯ

Các câu hỏi H1 tới H8 cung cấp thông tin cho các nhà kế hoạch của chính quyền và các công ty tư xây cất nhà để phát triển các khu gia cư và các dự án xây cất. Thông tin này cũng giúp cho nhiều chương trình được tiến hành theo *Đạo luật quốc gia về gia cư (National Housing Act)* và *Đạo luật về Công ty Gia cư và Tiền mua nhà Ca-na-đa (Canada Mortgage and Housing Corporation Act)*.

Tài liệu về số phòng và số phòng ngủ trong các nhà, cũng như về chi phí cư trú, phối hợp với dữ kiện về số người trong hộ để giúp nhận định hoàn cảnh kinh tế của các gia đình trong các vùng khác nhau. Các chính quyền tỉnh bang và thành phố dùng thông tin này để đo lường mức độ chật chội trong các hộ và đưa ra những chương trình gia cư thích hợp.

Tài liệu về thời gian nhà đã được xây cùng nhu cầu sửa chữa giúp cho chính quyền thành phố thiết lập các chương trình chỉnh trang các khu dân cư.